

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ I/2024

Số	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo	Tổng số liệu quyết toán	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
TT		quyết toán	được duyệt		
1	2	3	4	5=4-3	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.508.311.608	2.508.311.608		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.508.311.608	2.508.311.608		
6001	Lương theo ngạch, bậc	1.304.100.000	1.304.100.000		
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	10.740.600	10.740.600		
6101	Phụ cấp chức vụ	18.090.000	18.090.000		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	439.386.498	439.386.498		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	261.174.928	261.174.928		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	36.838.771	36.838.771		
6301	Bảo hiểm xã hội	284.375.752	284.375.752		
6302	Bảo hiểm y tế	48.750.129	48.750.129		
6303	Kinh phí công đoàn	32.500.086	32.500.086		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	15.804.542	15.804.542		
6501	Tiền điện	4.770.374	4.770.374		
6502	Tiền nước	1.067.220	1.067.220		
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	2.130.000	2.130.000		
6551	Mua giấy A4, bìa sơ mi nút i, bìa 3 dây, kẹp bướm, băng keo, bìa đóng cuốn	3.444.196	3.444.196		
	Mua chổi bông cỏ cho các lớp và ổ điện	2.270.000	2.270.000		
	Khung sắt, alu dán decal mô hình phân loại rác thải	3.240.000	3.240.000		
6599	In băng rôn, dán decal bảng cửu chương	2.235.600	2.235.600		
6601	Cước phí điện thoại	44.000	44.000		
6605	cước phí Internet;	1.628.000	1.628.000		
6649	Phần mềm quản lý văn bản_điều hành IOFICE	8.976.000	8.976.000		
6701	Tiền xăng	2.834.670	2.834.670		
6702	Phụ cấp công tác phí	3.640.000	3.640.000		
6704	Khoản công tác phí	1.500.000	1.500.000		
6913	Vệ sinh máy photocopy	300.000	300.000		
7001	Mực máy photo, Mua giấy A4, Viết, Phấn trắng Mic hộp lớn, Phấn trắng không bụi, phấn màu, bông lau bàn	10.010.242	10.010.242		
7004	Mua đồng phục nghi thức đội tiểu học 30 bộ	8.100.000	8.100.000		
7049	Mua khăn quàng 30 cái cho đội nghi thức	360.000	360.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	172.406.400	172.406.400		
6552	Mua bàn ghế học sinh THCS 2 chỗ ngồi	96.606.400	96.606.400		
6649	Gia hạn phần mềm thời khóa biểu, QL thiết bị, các khoản thu, tra cứu hoad đơn đầu vào	7.600.000	7.600.000		
6757	Thuê bảo vệ, tạp vụ	19.200.000	19.200.000		
6949	Sửa chữa sân đường điem chính và điem Phú Mỹ	49.000.000	49.000.000		

Mỹ Chánh, Ngày 01 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG
CẤP 1-2
ĐOÀN CÔNG CHÁNH

Trần Văn Phú

Mỹ Chánh, ngày 01 tháng 4 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

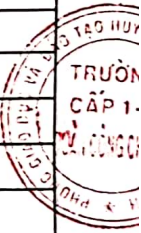
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Cấp 1-2 Đoàn Công Chánh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm) như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	95.256.000			
I	Số thu phí, lệ phí	97.200.000			
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí học phí năm học 2023-2024	97.200.000			
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	1.944.000			
	Phí nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	1.944.000			
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.601.711.886	2.685.668.008		
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.601.711.886	2.685.668.008		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.601.711.886	2.685.668.008		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.363.861.886	2.513.261.608		



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	237.850.000	172.406.400		

Mỹ Chánh, Ngày 01 tháng 4 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

Trần Văn Phú

